

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
ngày 15/12/2020
V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Giáp Văn Cương và ông Lương Toàn Tính

Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thúy Quỳnh - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa:
bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: **Đàm Thị Tt** - sinh năm 1990

Nơi cư trú: xóm L xã C huyện Q tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Thạch Văn S** - sinh năm 1986

Nơi cư trú: xóm C xã Đ huyện Q tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2020, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Đàm Thị T trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Thạch Văn S vào ngày 24/3/2010, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cách Linh huyện Phục Hòa (nay là huyện Quảng Hòa). Sau khi cưới cả hai vợ chồng sống chung một nhà với bố mẹ của chị T ở xóm Lãng Hoài 1 xã Cách Linh huyện Quảng Hòa. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì anh S mắc nghiện ma túy, mặc dù đã được tôi và hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh S, đến tháng 10 năm 2017 thì anh S bị Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa xử

phạt 02 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, sau khi chấp hành án xong trở về đoàn tụ, anh S vẫn tiếp tục tái nghiện ma túy (đã có danh sách quản lý ở Công an xã Cách Linh), mặc dù đã khuyên bảo nhưng anh S không chịu nghe lời, luôn đòi tiền và lấy tài sản gia đình đi bán để thỏa mãn cơn nghiện. Do đó đầu tháng 3/2020 vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm, nên anh S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Cốc Chang xã Đại Sơn sống ly thân cho đến nay, từ khi sống ly thân anh S không quan tâm đến vợ con. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được cho ly hôn anh S.

[1.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đàm K – sinh ngày 02 tháng 9 năm 2010 và Đàm H – sinh ngày 02 tháng 02 năm 2020. Hiện nay 02 con đang sống cùng với tôi. Sau khi ly hôn tôi sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Thạch Văn S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn Thạch Văn S: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai nhưng anh Thạch Văn S không đến tham gia tố tụng. Căn cứ đơn yêu cầu của chị T, Tòa án đã xuống cơ sở để tiến hành lấy lời khai anh S vào ngày 10/11/2020. Trong biên bản lấy lời khai thể hiện: anh S không nhất trí ly hôn, nhưng không đưa ra được lý do cũng như nỗ lực nhằm hàn gắn trong thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung anh S có ý kiến nếu ly hôn thì 02 con ở với chị T vì anh S không có việc làm thu nhập, nên không thể nuôi dưỡng hoặc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh S viết đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[3.] Tại phiên tòa hôm nay anh Thạch Văn S tiếp tục vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, điều đó thể hiện anh S đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không quan tâm và không cần có ý kiến việc chị Thuyết xin ly hôn, vì vậy Tòa án sẽ xét xử vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Thạch Văn S.

[5] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Tại phiên tòa hôm nay, qua các tài liệu chứng cứ và kết hợp với lời khai của nguyên đơn Đàm Thị T cho thấy anh Thạch Văn S nghiện ma túy dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn, anh S không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, làm cho mục đích hôn nhân của chị T không đạt được, do đó các yêu cầu của chị T là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị Đàm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T kết hôn với anh Thạch Văn S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2010 tại UBND xã Cách Linh. Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 con chung, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2020. Đến đầu tháng 3 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Thạch Văn S vẫn tiếp tục sử dụng và tái nghiện ma túy, mặc dù vừa đi chấp hành án phạt tù về. Vì nghiện ma túy nên, anh S thường xuyên chửi bới, đe dọa đòi tiền, mang tài sản trong nhà đi cầm cố lấy tiền thỏa mãn ma túy, do không chịu đựng được cho nên tháng 3/2020 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, anh S bỏ về sinh sống ở xã Đại Sơn, còn chị T nuôi 02 con ở xã Cách Linh. Trong thời gian sống ly thân, anh S không quan tâm đến vợ, con cũng như không có biện pháp để hàn gắn vợ chồng đoàn tụ.

Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn Thạch Văn S từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều đó thể hiện anh S tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc anh S nghiện chất ma túy, không chịu lao động tạo thu nhập để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc gia đình là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đều phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chị T đã nộp cho Tòa án và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị T là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy anh S nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định, còn chị T đang làm công việc có thu nhập ổn định hàng tháng là 05 triệu đồng và hiện nay 02 cháu chung đang ở với chị T, cháu K đang học lớp 5 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T có đầy đủ các điều kiện thuận lợi hơn anh S để trực tiếp nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: chị T và anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đàm Thị T đối với anh Thạch Văn S.

[2] Về con chung: giao cháu Đàm K – sinh ngày 02 tháng 9 năm 2010 và Đàm H – sinh ngày 02 tháng 02 năm 2020 cho chị Đàm Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: chị Đàm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000967 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị Thuyết đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Cách Linh;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nông Thanh Điệp